

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHƯỚC
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 153/2020/HNGĐ-ST
Ngày 02 tháng 7 năm 2020
Vụ “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Duy Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Văn Dũng
2. Bà Phạm Thị Tuyết Mai

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Linh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 35/2020/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 02 năm 2020, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 921/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2020; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Lâm Thị Bích P, sinh năm 1984 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện T, tỉnh B.

Bị đơn: Dương Minh T, sinh năm 1983 (vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã P, huyện T, tỉnh B.

Nơi ở hiện nay: Thôn Q, xã Đ, huyện S, tỉnh V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 07 tháng 02 năm 2020, các bản khai và tại phiên Tòa hôm nay nguyên đơn chị Lâm Thị Bích P trình Bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Dương Minh T quen biết nhau vì cùng đi xuất khẩu lao động tại Malaysia, qua thời gian quen nhau tìm hiểu rồi tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn vào ngày 18 tháng 3 năm 2008 tại UBND xã P, huyện T, tỉnh B.

Vợ chồng chị tổ chức đám cưới trước (vào đầu năm 2007) rồi đăng ký kết hôn sau. Sau khi tổ chức lễ cưới thì vợ chồng chị chung sống tại nhà cha mẹ chị tại đội 6, thôn T, xã P, huyện T, tỉnh B. Đầu năm 2009 thì anh T cắt khẩu rồi về nhập khẩu ở chung với cha mẹ chị tại đội 6, thôn T, xã P, huyện T, tỉnh B. Đầu năm 2010 vợ chồng chị và con chị tách hộ khẩu riêng cũng ở tại đội 6, thôn T, xã P, huyện T, tỉnh B. Vợ chồng chung sống đến năm 2010 thì xảy ra mâu thuẫn vì chị và anh T sống không hợp nhau, giữa chị và anh T Bất đồng quan điểm trong cuộc sống gia đình, nuôi dạy con cái và trong công việc, tuy vậy chị vẫn cố gắng chịu đựng để nuôi dạy con cái nhưng giữa chị và anh T vẫn không thay đổi, rồi sau đó anh T đã bỏ về quê anh T ở thôn Q, xã Đ, huyện S, tỉnh V ở cho đến nay. Nay vợ chồng không còn tình cảm với nhau nữa, không thể sống chung với nhau được nữa nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Dương Minh T.

- Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung: Dương Lâm Thảo V - sinh ngày 07/12/2007, con hiện đang ở với chị. Chị yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị và anh T không có tài sản chung nên chị không yêu cầu Tòa giải quyết tài sản chung. Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng chị không nợ ai và không ai nợ vợ chồng chị.

* Bị đơn anh Dương Minh T vắng mặt. Theo bản tự khai ngày 29 tháng 5 năm 2020 của anh T (anh T viết bản tự khai tại Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh V) khai như sau:

- Về hôn nhân: Anh và chị Lâm Thị Bích P quen Biết nhau, tìm hiểu rồi tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn vào ngày 18 tháng 3 năm 2008 tại UBND xã P, huyện T, tỉnh B. Sau khi kết hôn chị P ở với cha mẹ chị P, còn anh đi làm ở Bến Cát, tỉnh Bình Dương, thỉnh thoảng anh về thăm chị P và gia đình chị P. Đến năm 2010 vợ chồng anh ra sống tại xã Đ, huyện S, tỉnh V. Do điều kiện gia đình khó khăn nên chị P bỏ về nhà cha mẹ chị P ở tại xã P, huyện T, tỉnh B và vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Từ đó đến nay anh và chị P không liên lạc gì với nhau nữa, anh không còn tình cảm với chị P nữa. Nay chị P yêu cầu ly hôn, anh đồng ý.

- Về con chung: Anh và chị P có 01 con chung: Dương Lâm Thảo V - sinh ngày 07/12/2007, con hiện đang ở với chị P. Anh thống nhất giao con cho chị P trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, chị P không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con nên anh không có ý kiến gì.

- Về tài sản chung: Anh và chị P không có tài sản chung nên anh không yêu cầu Tòa giải quyết tài sản chung.

- Về nợ chung: Trong thời kỳ hôn nhân anh và chị P không có nợ ai, không ai nợ anh và chị P.

* Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân thủ quy định tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành

đúng quyền và nghĩa vụ của mình còn Bị đơn vắng mặt nhưng đã có bản tự khai và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn theo qui định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị P được ly hôn với anh T và giao con chung cho chị P nuôi dưỡng, chị P không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Lâm Thị Bích P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, bị đơn là anh Dương Minh T có hộ khẩu thường trú tại đội 6, thôn T, xã P, huyện T, tỉnh B. Hiện nay anh T đang cư trú tại Thôn Q, xã Đ, huyện S, tỉnh V. Anh T thống nhất Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh B thụ lý giải quyết vụ án ly hôn của anh và chị P nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh B theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm B khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Dương Minh T vắng mặt nhưng đã có lời khai và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án T hành xét xử vắng mặt anh T.

[3] Anh Dương Minh T vắng mặt nhưng anh T có bản tự khai thống nhất ly hôn theo yêu cầu của chị P. Do đó, áp dụng các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình, cho chị P được ly hôn anh T.

[4] Về con chung: Chị P và anh T có 01 con chung tên là Dương Lâm Thảo V - sinh ngày 07/12/2007, con hiện đang ở với chị P. Xét yêu cầu của chị P được nuôi con, Hội đồng xét xử xét thấy anh T thống nhất giao con cho chị P được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, theo nguyện vọng của cháu V muốn được ở với chị P nên giao cháu V cho chị P trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Do đó, áp dụng Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, giao cháu V cho chị P chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị P không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về tài sản chung và nợ: Chị P và anh T không có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị P phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

1. Chị Lâm Thị Bích P được ly hôn anh Dương Minh T.

2. Giao con chung là cháu Dương Lâm Thảo V - sinh ngày 07/12/2007, con hiện đang ở với chị Lâm Thị Bích P cho chị Lâm Thị Bích P chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Dương Minh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc làm ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cũng như việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Chị Lâm Thị Bích P phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sung vào công quỹ nhà nước, nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà chị P đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003429 ngày 14 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh B.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được niêm yết hoặc tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện T;
- CC THADS H.T;
- Phòng KTNV và THA TAND tỉnh B;
- UBND xã P, huyện Tuy Phước; tỉnh B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Duy Minh